

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-PT

Ngày: 05- 01 -2022

V/v tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2021/TLPT-DS ngày 19 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 142/2021/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 234/2021/QĐPT-DS ngày 07 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1950;

Địa chỉ: ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Sử Văn N, sinh năm: 1954; là người đại diện theo ủy quyền (*văn bản ủy quyền ngày 20/7/2020*), (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1964; (*có mặt*)

2. Bà Đinh Thị H, sinh năm: 1964; *(có mặt)*

Cùng địa chỉ: ấp C1, xã P1, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1950; *(có mặt)*

Địa chỉ: ấp C1, xã P1, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1956; *(có mặt)*

Địa chỉ: ấp C1, xã P1, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Bà Nguyễn Thị K2, sinh năm: 1957;

Địa chỉ: ấp P2, xã P1, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bà K1: Ông Nguyễn Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28/12/2020); *(có mặt)*

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Ông Nguyễn Văn Đ;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của Ông Nguyễn Văn Đ, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn Đ là Ông Sử Văn N trình bày:

Cụ Hà Thị C3 có chồng là cụ Nguyễn Văn C2 chết năm 1972. Hai cụ có 5 người con là Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị K. Nguyễn Thị K1 và Nguyễn Văn B. Cha mẹ của cụ C3 và cụ C2 đã chết từ lâu. Cụ C3, ông C2 không có cha mẹ nuôi, con nuôi hay con riêng.

Ngày 22/11/2013, cụ C3 chết, có để lại di sản là phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 550m² thuộc thửa mới là thửa 78, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại ấp C1, xã P1, huyện C, tỉnh Bến Tre do Cụ Hà Thị C3 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong đó, có 44,9m² đất do Bà Nguyễn Thị K quản lý sử dụng và 506,1m² do Ông Nguyễn Văn B quản lý sử dụng. Trên đất có một phần ngôi nhà do cụ C3 để lại, các cây trồng gồm: mít, bưởi, chôm chôm, nguyệt quế, dừa, nhãn, chuối, măng cầu, thanh long do Ông Nguyễn Văn B trồng và khoảng 400 cây mít ươm do Bà Nguyễn Thị K trồng.

Nguồn gốc thửa đất tranh chấp trước đây một phần thửa 402, 403, tờ bản đồ số 3 do Cụ Hà Thị C3 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được cấp lần đầu vào năm 1998, diện tích thửa 402 là 200m² và diện tích thửa 403 là 2725m². Trong đó, có một phần đất của Bà Nguyễn Thị K mua của ông Trần Văn B1 bị nhập chung vào phần đất thửa 402, 403 của cụ C3. Do đó, tháng

5/2001, cụ C3 tách thửa 403 thành thửa 403 và thửa 2378, trong đó thửa 2378, diện tích 1307m² được sang tên cho Bà Nguyễn Thị K. Đến năm 2007, ông B được nhà nước cho một nhà tình thương nên xin cụ C3 một phần đất để cất nhà. Vì vậy, cụ C3 đã tiếp tục tách thửa 403, thành thửa 403, 2963, trong đó thửa 2963, diện tích 642m² được sang tên cho Ông Nguyễn Văn B và Bà Đinh Thị H.

Nguyên đơn cho rằng, ngày 22/5/2000, cụ C3 có lập di chúc để lại 2.000m² đất vườn tại khu nhà ở và một căn nhà xây với diện tích chung 50m² (tại vị trí thửa 402, 403) cho ông Đ và ông B như sau: Ông Nguyễn Văn Đ 1.000m² đất vườn tọa lạc tại khu nhà ở, vị trí Đông giáp Rạch, Tây giáp Nguyễn Văn Bé H1, bắc giáp Lê Văn T1. Ông Nguyễn Văn B được chia 1.000m² đất tọa lạc khu nhà ở, Đông giáp rạch, Tây giáp Nguyễn Thị K tự mua, Bắc giáp ranh đất Nguyễn Văn Đ theo di chúc, Nam giáp đất Nguyễn Thị K tự mua và một căn nhà diện tích 50m². Nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho ông Đ phần đất có diện tích 508,6m² thuộc thửa 402, 403 tờ bản đồ số 3, nay là thửa 78, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại xã P1, huyện C, tỉnh Bến Tre và chia cho ông B 50,4m² đất có ngôi nhà.

Tuy nhiên, nay nguyên đơn nhận thấy sau khi lập di chúc vào năm 2000 thì cụ C3 đã nhiều lần biến động thửa đất 402, 403 nên hiện nay phần đất được định đoạt theo di chúc không còn đúng như lúc đầu mà cụ C3 không lập di chúc khác thay thế. Vì vậy, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận nội dung di chúc nêu trên vì có đối tượng không rõ ràng, không thể thực hiện được và chia thừa kế theo quy định pháp luật cho 5 người con của cụ Hà Thị C3. Ông Đ yêu cầu được nhận phần của ông và phần của bà Y, bà K, bà K1 cho là 440m². Ông B được nhận phần đất có diện tích 110m². Đối với ngôi nhà thì ông để cho ông B nhận, không yêu cầu chia giá trị nhà. Còn các cây trồng của ông B thì ông không đồng ý trả giá trị vì ông B đã tự ý đốn các cây của cụ C3 để trồng lại cây mới. Các cây mít giống của bà K thì bà K đã tự di dời đi rồi.

Tại văn bản trình bày ý kiến, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Bà Đinh Thị H và Ông Nguyễn Văn B trình bày:

Ông bà thống nhất Cụ Hà Thị C3 có 1 chồng và 5 người con, cha mẹ và chồng cụ C3 đã chết như nguyên đơn trình bày. Ông bà không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Vì ngày 22/5/2000, cụ C3 có lập di chúc để lại 2.000m² đất vườn tại khu nhà ở và một căn nhà xây với diện tích chung 50m² (tại vị trí thửa 402, 403) cho ông Đ và ông B như sau: Ông Nguyễn Văn Đ 1000m² đất vườn tọa lạc tại khu nhà ở, vị trí Đông giáp Rạch, Tây giáp Nguyễn Văn Bé H1, bắc

giáp Lê Văn T1. Ông Nguyễn Văn B được chia 1000m² đất tọa lạc khu nhà ở Đông giáp Rạch, Tây giáp Nguyễn Thị K tự mua, Bắc giáp ranh đất Nguyễn Văn Đ theo di chúc, Nam giáp đất Nguyễn Thị K tự mua và một căn nhà diện tích 50m².

Phần đất tranh chấp hiện nay qua đo đạc thực tế là 550m² thuộc thửa mới là thửa 78, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại ấp C1, xã P1, huyện C, tỉnh Bến Tre do Cụ Hà Thị C3 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phần cụ C3 để lại cho ông B theo di chúc, còn phần của ông Đ ở đâu thì ông B, bà H không xác định được. Ông B, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được nhận toàn bộ phần đất này. Đối với phần đất 44,9m² hiện nay bà K đang quản lý thì ông bà yêu cầu bà K giao lại cho ông bà.

Ông bà thống nhất với kết quả đo đạc, định giá không có ý kiến gì khác.

Tại văn bản trình bày ý kiến, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị K trình bày:

Bà thống nhất là Cụ Hà Thị C3 có chồng và 5 người con, cha mẹ và chồng cụ C3 đã chết như nguyên đơn trình bày. Đối với di chúc ngày 22/5/2000 thì bà được nghe kể lại chứ không biết tình hình lúc cụ C3 lập di chúc.

Trước đây, bà có ý kiến thống nhất với ý kiến của ông Đ và không yêu cầu gì trong vụ án này. Tuy nhiên nay ông Đ thay đổi yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất còn lại của thửa 402, 403 có diện tích qua đo đạc thực tế là 550m² thuộc thửa mới là thửa 78, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại ấp C1, xã P1, huyện C, tỉnh Bến Tre do Cụ Hà Thị C3 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 5 người con của Cụ Hà Thị C3 thì bà cũng yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Trước đây bà yêu cầu nhận phần đất có diện tích 44,9m² có tranh chấp ranh tại buổi đo đạc (phần 78 tách 2 trên sơ đồ mô tả) nay bà không tranh chấp ranh nữa và cũng không yêu cầu nhận phần đất này). Toàn bộ phần đất mà bà được nhận thừa kế bà để lại cho ông Đ, không yêu cầu hoàn lại giá trị. Bà không có tranh chấp gì về ngôi nhà trên đất.

Bà thống nhất với kết quả đo đạc, định giá không có ý kiến gì khác.

Tại văn bản trình bày ý kiến, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Bà thống nhất là Cụ Hà Thị C3 có chồng và 5 người con, cha mẹ và chồng cụ C3 đã chết như nguyên đơn trình bày. Đối với di chúc ngày 22/5/2000 thì bà được nghe kể lại chứ không biết tình hình lúc cụ C3 lập di chúc.

Trước đây, bà có ý kiến thống nhất với ý kiến của ông Đ và không yêu cầu gì trong vụ án này. Tuy nhiên nay ông Đ thay đổi yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất còn lại của thửa 402, 403 có diện tích qua đo đạc thực tế là 550m² thuộc thửa mới là thửa 78, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại ấp C1, xã P1, huyện C, tỉnh Bến Tre do Cụ Hà Thị C3 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 5 người con của Cụ Hà Thị C3 thì bà cũng yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Phần đất mà bà được nhận thừa kế bà để lại cho ông Đ, không yêu cầu hoàn lại giá trị. Bà không có tranh chấp gì về ngôi nhà trên đất.

Bà thống nhất với kết quả đo đạc, định giá không có ý kiến gì khác.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị K2 là Ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Bà K1 thống nhất với lời trình bày của ông. Trước đây, bà K1 có ý kiến, thống nhất với ý kiến của ông và không yêu cầu gì trong vụ án này, tuy nhiên nay bà thay đổi yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất còn lại của thửa 402, 403; có diện tích qua đo đạc thực tế là 550m² thuộc thửa mới là 78, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại ấp C1, xã P1, huyện C, tỉnh Bến Tre do Cụ Hà Thị C3 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 5 người con của Cụ Hà Thị C3 thì bà K1 cũng yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Phần bà K1 được nhận thừa kế bà để lại cho Ông Nguyễn Văn Đ hưởng; không yêu cầu hoàn lại giá trị. Bà không có tranh chấp gì về ngôi nhà trên đất.

Bà thống nhất với kết quả đo đạc, định giá không có ý kiến gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 142/2021/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định như sau:

Căn cứ vào các điều 648, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự; các điều 26, 35, 39, 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn Đ đối với Ông Nguyễn Văn B và Bà Đinh Thị H về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Ông Nguyễn Văn B được trọn quyền sử dụng quyền sử dụng đất, nhà và các cây trồng trên thửa đất 78, tờ bản đồ số 18, diện tích 550m² tọa lạc tại ấp C1, xã P1, huyện C, tỉnh Bến Tre do Cụ Hà Thị C3 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có tứ cận như sau:

- Đông giáp thửa 79 của Ông Nguyễn Văn B;

- Tây giáp thửa 77 của ông Trần Văn B1 và thửa 76 của Bà Nguyễn Thị K.

- Nam giáp thửa 76 của Bà Nguyễn Thị K.

- Bắc giáp thửa 80 của ông Lê Văn T1.

(Có họa đồ kèm theo)

Ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ thanh toán cho Ông Nguyễn Văn Đ số tiền là 107.000.000 (một trăm lẻ bảy triệu) đồng.

Bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ giao lại cho Ông Nguyễn Văn B phần đất có diện tích 44,9m² thửa đất 78, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại ấp C1, xã P1, huyện C, tỉnh Bến Tre do Cụ Hà Thị C3 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có tứ cận như sau:

- Bắc giáp phần còn lại của thửa 78;

- Nam giáp thửa 76 của Bà Nguyễn Thị K;

- Đông giáp thửa 79 của Ông Nguyễn Văn B;

- Tây giáp thửa 76 của Bà Nguyễn Thị K;

(có họa đồ kèm theo)

Ông Nguyễn Văn B được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục nhận thừa kế phần đất nói trên theo quy định.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/10/2021, nguyên đơn Ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 142/2021/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, ông yêu cầu được nhận thừa kế bằng quyền sử dụng đất, không đồng ý nhận bằng giá trị như bản án sơ thẩm tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của Cụ Hà Thị C3 đối với thửa đất 78, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại ấp C1, xã P1, huyện C, tỉnh Bến Tre và xem xét cho nguyên đơn Ông Nguyễn Văn Đ được nhận thừa kế bằng giá trị số tiền 107.000.000 (một trăm lẻ bảy triệu) đồng là phù hợp. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn Đ, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 142/2021/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn Đ;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn Ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của Cụ Hà Thị C3 đối với phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 550m² thuộc thửa số 78, tờ bản đồ số 18 (thửa cũ là thửa số 402, 403) tọa lạc tại ấp C1, xã P1, huyện C tỉnh Bến Tre.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định di chúc do Cụ Hà Thị C3 lập ngày 22/5/2000 có nội dung không rõ ràng, không thực hiện được nên bị vô hiệu và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế theo pháp luật của Cụ Hà Thị C3 đối với phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 550m² thuộc thửa số 78, tờ bản đồ số 18 (thửa cũ là thửa số 402, 403) tọa lạc tại ấp C1, xã P1, huyện C tỉnh Bến Tre theo pháp luật thành 06 kỳ phần. Ông Nguyễn Văn B là người có công sức cải tạo và quản lý di sản sau khi cụ C3 chết nên được thanh toán chi phí quản lý di sản tương ứng một kỳ phần. Do đó, ông B được hưởng thừa kế tương đương 02 kỳ phần. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C3 là Bà Nguyễn Thị Y, Bà Nguyễn Thị K, Bà Nguyễn Thị K2 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Hà Thị C3, phần các bà được nhận, các bà để lại cho Ông Nguyễn Văn Đ hưởng nên ông Đ được hưởng thừa kế tương đương 04 kỳ phần. Các nội dung này không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét. Tòa cấp sơ thẩm tuyên cho Ông Nguyễn Văn B được tiếp tục quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất, được sở hữu

nhà và cây trồng trên đất. Đồng thời ông B nghĩa vụ thanh toán cho Ông Nguyễn Văn Đ giá trị kỷ phần thừa kế ông Đ, bà Y, bà K, bà K1 được hưởng số tiền 107.000.000đồng.

[3] Nguyên đơn Ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo yêu cầu được nhận thừa kế bằng quyền sử dụng đất toàn bộ phần đất cây lâu năm, ông đồng ý giao cho Ông Nguyễn Văn B phần diện tích đất có ngôi nhà và ngôi nhà trên phần đất. Xét thấy, phần đất được chia thừa kế có diện tích 550m², trên phần đất này có một căn nhà diện tích 60m². Ông Đ yêu cầu được nhận quyền sử dụng đất, giao cho ông B căn nhà. Tuy nhiên, căn nhà nằm ở vị trí giữa thửa đất nếu đo tách căn nhà để giao cho ông B phải đảm bảo lối đi vào phần đất nên các phần đất bị tách nhỏ, không đảm bảo được hiệu quả và mục đích sử dụng đất và không đảm bảo diện tích tối thiểu để tách thửa theo quy định của pháp luật (Theo Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre). Hơn nữa, ông Đ đã có nơi ở khác, ông B là người trực tiếp quản lý phần đất này từ khi cụ C3 chết đến nay nên tòa cấp sơ thẩm tuyên cho Ông Nguyễn Văn B được tiếp tục quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất, được sở hữu nhà và cây trồng trên đất. Đồng thời, ông B phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ông Nguyễn Văn Đ giá trị kỷ phần thừa kế ông Đ, bà Y, bà K, bà K1 được hưởng số tiền 107.000.000đồng (một trăm lẻ bảy triệu đồng) là phù hợp.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn Đ, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 142/2021/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc Hội; do kháng cáo không được chấp nhận nên Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng. Tuy nhiên, ông Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn Đ;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 124/2021/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào các điều 648, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn Đ đối với Ông Nguyễn Văn B và Bà Đinh Thị H về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Ông Nguyễn Văn B được trọn quyền sử dụng quyền sử dụng đất, nhà và các cây trồng trên thửa đất 78, tờ bản đồ số 18, diện tích 550m² tọa lạc tại ấp C1, xã P1, huyện C, tỉnh Bến Tre do Cụ Hà Thị C3 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có tứ cận như sau:

- Đông giáp thửa 79 của Ông Nguyễn Văn B;
- Tây giáp thửa 77 của ông Trần Văn B1 và thửa 76 của Bà Nguyễn Thị K.
- Nam giáp thửa 76 của Bà Nguyễn Thị K.
- Bắc giáp thửa 80 của ông Lê Văn T1.

(Có họa đồ kèm theo)

Ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ thanh toán cho Ông Nguyễn Văn Đ số tiền là 107.000.000 (một trăm lẻ bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ giao lại cho Ông Nguyễn Văn B phần đất có diện tích 44,9m² thửa đất 78, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại ấp C1, xã P1, huyện C, tỉnh Bến Tre do Cụ Hà Thị C3 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có tứ cận như sau:

- Bắc giáp phần còn lại của thửa 78;
- Nam giáp thửa 76 của Bà Nguyễn Thị K;
- Đông giáp thửa 79 của Ông Nguyễn Văn B;
- Tây giáp thửa 76 của Bà Nguyễn Thị K

(có họa đồ kèm theo)

Ông Nguyễn Văn B được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục nhận thừa kế phần đất nói trên theo quy định.

2. Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 2.670.000đồng, Ông Nguyễn Văn B phải chịu 1.330.000đồng. Ông Nguyễn Văn Đ đã nộp 4.000.000đồng nên Ông Nguyễn Văn B phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Đ 1.330.000đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Nguyễn Thị K, Bà Nguyễn Thị K2, Bà Nguyễn Thị Y là người cao tuổi nên được miễn án phí.

- Ông Nguyễn Văn B phải chịu 2.675.000đồng (hai triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ được miễn.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hương

